TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **84**/2019/DSST Ngày 25/12/2019 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH

NỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA- TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Nguyễn Thị Bắc.

2/ Ông Lê Thanh Miện.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2019/QĐST-DS ngày 15 ngày 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ;** Địa chỉ trụ sở chính: Số 130 Phan Đăng Lưu, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Xuân Q- Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang- Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 7 năm 2019 kèm theo giấy tờ, các tài liệu liên quan và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Vũ Xuân Q) trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị L có quan hệ tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa (gọi tắt là D Bank), chi tiết nhưa sau: Tổng hạn mức cấp tín dụng: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), cụ thể: Hợp đồng vay số 0141968701T16004; Số tiền vay: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); lãi suất 8,5%/năm; thời hạn vay: Từ ngày 23/7/2016 đến 23/7/2017; Mục đích vay: Chăn nuôi; Phương thức thanh toán nợ vay: nợ gốc và lãi trả góp hàng tháng; Biện pháp bảo đảm: Vay qua Hội phụ nữ; Người bảo lãnh: Nguyễn Văn P.

Trong quá trình vay, từ ngày 23/7/2016 đến ngày 02/7/2019 bà Nguyễn Thị L chi trả được tổng số tiền như sau: Vốn: 7.960.256đ; lãi trong hạn: 1.089.744đ; Tổng cộng: 9.050.000đ (Chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngân hàng xác định bà Nguyễn Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay, tính đến ngày 02/7/2019 bà L còn nợ các khoản sau: Vốn 10.378.857đ; Lãi trong hạn: 673.764đ; Lãi quá hạn: 2.237.823đ; Tổng cộng: 13.290.444đ (Mười ba triệu hai trăm chín mươi nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Do vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 25/12/2019 là **13.926.365đ (Mười ba triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng)**, trong đó tiền nợ gốc là 10.378.857đ (Mười triệu ba trăm bẩy mươi tám nghìn tám trăm năm mươi bẩy đồng), nợ lãi trong hạn là 673.764đ (Sáu trăm bẩy mươi ba nghìn bẩy trăm sáu mươi bốn đồng), lãi quá hạn là 2.873.744đ (Hai triệu tám trăm bẩy mươi ba nghìn bẩy trăm bốn mươi bốn đồng) và lãi phát sinh từ ngày 26/12/2019 đến ngày bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa theo lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Bị đơn (bà Nguyễn Thị L): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của bà L đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy không có lời khai của bà L. Tòa án cùng

với cán bộ địa phương về trực tiếp tại gia đình bà L nhiều lần nhưng bà L không có mặt ở nhà. Qua trao đổi địa phương xác định bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P trước đây là vợ chồng và có hộ khẩu tại gia đình ông P ở thôn G, xã T, huyện H. Đến năm 2018 bà L và ông P ly hôn nên bà L đã cắt khẩu về thôn Q, xã T, huyện H nhưng không nằm trong hộ khẩu của gia đình ông Nguyễn Văn Cầu (bố đẻ bà L). Bà L hiện nay đi làm gì chính quyền địa phương không nắm được. Bà L không thường xuyên có mặt tại địa phương nhưng không đi hẳn khỏi địa phương. Ông Nguyễn Văn C (bố đẻ của bà L) trình bày: Bà L đã ly hôn ông P vào năm 2018 và đã cắt khẩu ở nhà ông P nhưng hiện tại gia đình ông vẫn chưa nhập bà L vào sổ hộ khẩu của gia đình ông. Hiện nay bà L đi đâu, làm gì và địa chỉ cụ thể ở đâu ông không biết vì đã lâu bà L không về gia đình tại thôn Q, xã T chơi. Việc bà L nợ tiền của Ngân hàng Đ như thế nào ông không nắm được.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Văn P) trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị L đã ly hôn vào khoảng tháng 4/2018. Từ khi hai vợ chồng ly hôn bà L đã cắt khẩu và chuyển khẩu về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Q, xã T, huyện H. Việc bà L vay tiền của Ngân hàng Đ theo giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 22/7/2016 có nội dung vay số tiền 20 triệu đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để chăn nuôi. Trong tờ giấy đăng ký này ở mục "Người bảo lãnh" có ghi chữ "P, Nguyễn Văn P" ông xác định đó không phải là chữ ký, chữ viết của ông. Ông không biết việc bà L vay số tiền này của Ngân hàng Đ vì bà L không nói gì tới việc vay số tiền 20 triệu đồng của Ngân hàng Đ. Thời điểm đó mặc dù ông và bà L chưa ly hôn nhưng ông và bà L đã ly thân từ năm 2015, việc ai người đó làm, không liên quan gì đến nhau. Ông xác định bà L đã mạo chữ ký của ông ở phần "Người bảo lãnh" nhưng ông cũng không có đề nghị gì vì hai bên đã ly hôn, ông cũng không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết ghi ở mục "Người bảo lãnh" có ghi chữ "P, Nguyễn Văn P" của giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 22/7/2016 nêu trên, mặc dù đã được Tòa án giải thích về quyền và nghĩa vụ yêu cầu giám định. Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa có đơn khởi kiện yêu cầu bà L và ông phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi mà bà L đã vay còn nợ của Ngân hàng, ông không đồng ý trả nợ cùng bà L vì xác định không liên quan gì đến việc bà L vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa.

Tại phiên toà, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xét đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm

Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định, đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 463; 466; 468; 470; khoản 2 Điều 357; Điều 288; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 25/12/2019 là **13.926.365đ (Mười ba triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng)**, trong đó tiền nợ gốc là 10.378.857đ (Mười triệu ba trăm bẩy mươi tám nghìn tám trăm năm mươi bẩy đồng), nợ lãi trong hạn là 673.764đ (Sáu trăm bẩy mươi ba nghìn bẩy trăm sáu mươi bốn đồng), lãi quá hạn là 2.873.744đồng (Hai triệu tám trăm bẩy mươi ba nghìn bẩy trăm bốn mươi bốn đồng).

Về án phí: Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 330.000đ (Ba trăm ba mươi nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000052 ngày 09/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đọc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về thủ tục tố tụng:***

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

[2]. ***Về nội dung tranh chấp:***

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa và bà Nguyễn Thị L tự nguyện thỏa thuận ký kết cho vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 0141968701T16004 ngày 23/7/2016, xác nhận là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2].1. Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 25/12/2019 tổng số tiền là **13.926.365đ (Mười ba triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng)**, trong đó tiền nợ gốc là 10.378.857đ (Mười triệu ba trăm bẩy mươi tám nghìn tám trăm năm mươi bẩy đồng), nợ lãi trong hạn là 673.764đ (Sáu trăm bẩy mươi ba nghìn bẩy trăm sáu mươi bốn đồng), lãi quá hạn là 2.873.744đ (Hai triệu tám trăm bẩy mươi ba nghìn bẩy trăm bốn mươi bốn đồng), thấy rằng:

Tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định sau khi bà Nguyễn Thị L và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 0141968701T16004 ngày 23/7/2016, Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay là giao số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho bà L vay, mục đích vay là để chăn nuôi, bà L đã nhận đủ số tiền này. Đến kỳ hạn trả nợ từ ngày vay đến ngày 02/7/2019, tổng số tiền bà L còn nợ của Ngân hàng là: 13.290.444đ (Mười ba triệu hai trăm chín mươi nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 10.378.857đ; Lãi trong hạn là: 673.764đ; Lãi quá hạn là: 2.237.823đ. Phía bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để làm việc nhưng bà L không đến Tòa án theo giấy triệu tập, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của bà L đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, bà L phải chịu trách nhiệm và tự gánh chịu hậu quả của việc bà L không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Đối với ông Nguyễn Văn P xác định khoản vay 20 triệu đồng tại Ngân hàng Đ của bà L không liên quan gì đến ông P vì lúc đó bà L và ông P tuy vẫn là vợ chồng nhưng hai bên đã sống ly thân từ năm 2015

không còn liên quan gì đến nhau về kinh tế, chữ ký và chữ viết trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 22/7/2016 ở mục "Người bảo lãnh" có ghi chữ "P, Nguyễn Văn P" ông P xác định đó không phải là chữ ký, chữ viết của ông P, tuy nhiên ông P không yêu cầu giám định đốivới chữ ký, chữ viết này. Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh là nghĩa vụ của đương sự, vì vậy ông P không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 22/7/2016 nhưng không đưa ra được căn cứ để chứng minh thì ông P phải gánh chịu. Mặt khác, bà L vay vốn của Ngân hàng trong thời kỳ bà L và ông P vẫn tồn tại quan hệ vợ chồng, mục đích để chăn nuôi và vay vốn thông qua Hội phụ nữ thôn Giang Tân và xã Thái Sơn nên có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của bà L và ông P trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa là có căn cứ, cần buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa số tiền gốc còn nợ là 10.378.857đ (Mười triệu ba trăm bẩy mươi tám nghìn tám trăm năm mươi bẩy đồng), nợ lãi trong hạn là 673.764đ (Sáu trăm bẩy mươi ba nghìn bẩy trăm sáu mươi bốn đồng), lãi quá hạn là 2.873.744đ (Hai triệu tám trăm bẩy mươi ba nghìn bẩy trăm bốn mươi bốn đồng); tổng cộng là **13.926.365đ (Mười ba triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng)**.

Quan hệ giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P khi vay vốn ngân hàng là quan hệ vợ chồng, vì vậy thu nhập hợp pháp cũng như nợ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là thu nhập và nợ chung của vợ chồng. Căn cứ vào Điều 288 của Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình thì bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P phải chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa là phù hợp**.** Cần buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa số tiền gốc và lãi còn nợ**.**

[3]. Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa được chấp nhận nên Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463; 466; 468; 470; khoản 2 Điều 357; Điều 288; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 25/12/2019 là **13.926.365đ (Mười ba triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng)**, trong đó tiền nợ gốc là 10.378.857đ (Mười triệu ba trăm bẩy mươi tám nghìn tám trăm năm mươi bẩy đồng), nợ lãi trong hạn là 673.764đ (Sáu trăm bẩy mươi ba nghìn bẩy trăm sáu mươi bốn đồng), lãi quá hạn là 2.873.744đ (Hai triệu tám trăm bẩy mươi ba nghìn bẩy trăm bốn mươi bốn đồng).

Về án phí: Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ liên đới chịu 696.300đ (Sáu trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Bắc Giang- Phòng giao dịch Hiệp Hòa số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 330.000đ (Ba trăm ba mươi nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000052 ngày 09/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HIệp Hòa.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án vẫn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, theo mức lãi suất tơng ứng do Ngân hàng Nhà nớc quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết đợc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- *Tòa án ND tỉnh Bắc Giang*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang;*
- *VKSND huyện Hiệp Hòa;*
- *Các đơng sự;*
- *Chi cục thi hành án;*
- *Lu.*

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn